TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ
Độc lậ

Bản án số:08/2026/HN&GĐST
Ngày: 13/02/2026
V/v: Không công nhận là vợ chồng, giữa H An và Y Kiêm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

+ Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nga và ông Nguyễn Ngọc Minh

+ **Thư ký ghi biên bản phiên tòa**: Ông Nguyễn Quốc Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6, Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Hiền – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 00 ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6, Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2026/TLST–HNGĐ ngày 28/01/2026 về việc "Không công nhận là vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2026 , giữa:

- **Nguyên đơn:** H An B3, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
  CCCD số 066 180 003 916
  Trú tại: Buôn T, H, tỉnh Đắk Lắk
- **Bị đơn:** Y Kiêm B , sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
  Trú tại: Buôn H , xã D hăng, Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Toà án, nguyên đơn – chị H A trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Y Kiêm B tự nguyện chung sống với nhau từ khoảng cuối năm 2003 nhưng chúng tôi không đăng ký kết hôn.

Do vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau nên chúng tôi không còn chung sống cùng nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ khoảng năm 2013 đến nay. Chúng tôi không liên lạc gì với nhau. Vợ chồng không thể hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình được nữa. Vì vậy, tôi đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6- Đắk Lắk không công nhận quan hệ hôn nhân giữa tôi với anh Y Kiêm B là vợ chồng.

Về con chung: Tôi và anh Y K Byă có 02 người con chung, tên là Y Mut B1 , sinh năm 2004 và Y Winh B2, sinh ngày 14/8/2007.

Hiện nay, các con tôi khoẻ mạnh và đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết

Về án phí: Tôi đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Khi tôi và anh Y K Byă còn chung sống cùng nhau thì anh Y K Byă có hộ khẩu ở xã Y, K, Đắk Lắk nay là xã H, Đắk Lắk, tôi không biết anh Y Kiêm B đã chuyển hộ khẩu về Buôn H, xã D hăng, Đắk Lắk nên trong đơn khởi kiện, tôi đã ghi địa chỉ anh Y Kiêm B là Buôn Trôk Ă, H, tỉnh Đắk Lắk. Nay anh Y Kiêm B cũng đồng ý đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk giải quyết vụ án. Vậy, đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 29/01/2029; 01/02/2026 và tại các buổi làm việc tại Toà án, anh Y Kiêm B trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô H An Bdap tự nguyện chung sống với nhau từ khoảng cuối năm 2003 nhưng chúng tôi không đăng ký kết hôn.

Do mâu thuẫn vợ chồng nên chúng tôi không còn chung sống cùng nhau từ khoảng năm 2013 đến nay, chúng tôi không quan tâm, chăm sóc nhau.

Từ nhỏ, tôi sống cùng cha mẹ tôi tại buôn C, Y, K, Đắk Lắk nay là buôn C, H, Đắk Lắk. Sau khi không chung sống cùng cô H An Bdap, tôi đã chuyển hộ khẩu về Buôn H, xã D hăng, Đắk Lắk để sinh sống cho đến nay. Nay cô H An Bdap đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk giải quyết vụ án: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa tôi và cô H An Bdap là vợ chồng, tôi đồng ý và không có ý kiến gì, đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và cô H An Bdap có 02 người con chung, tên là Y Mut B1, sinh năm 2004 và Y Winh B2, sinh ngày 14/8/2007.

Hiện nay, các con tôi khoẻ mạnh và đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Tôi đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xác nhận ngày 16/01/2026, UBND xã H, Đắk Lắk đã ghi: UBND xã H, Đắk Lắk kiểm tra thông tin kết hôn giữa Y Kiêm B và H An Bdap không có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Đắk Lắk.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng

như thủ tục tống đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên toà sơ thẩm.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, các đương sự đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 6, Đắk Lắk vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Chị H An Bdap và anh Y Kiêm B tự nguyên chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị H An B3 và anh Y Kiêm B là không hợp pháp.

Việc nguyên đơn - chị H An B3 yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Y Kiêm B là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H An B3 .

Đối với con chung và tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của các đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

* Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án : " Không công nhận là vợ chồng ". Nguyên đơn (chị H An B3) cư trú tại buôn T, H, Đắk Lắk. Bị đơn cư trú tại buôn H , xã D, Đắk Lắk. Tuy nhiên, bị đơn có đơn đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk tiến hành giải quyết vụ án. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 36 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về tố tụng: Mặc dù tại phiên tòa ngày hôm nay, các đương sự không đến tham dự phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 6, Đắk Lắk vẫn tiến hành xét xử vụ án.

* Về nội dung vụ án :

Về hôn nhân: Chị H An Bdap và anh Y K B yă tự nguyên chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị H An B3 và anh Y K B yă là không hợp pháp.

Việc nguyên đơn- chị H An B3 yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Y K B yă là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với con chung và tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn, chị H An B3 phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, chị H An B3 là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn và chị H An B3 cũng đã có đơn xin miễn

giảm tiền án phí. Vì vậy, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình cho chị H An B3 .

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 48; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 16 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H An B3 : Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H An B3 và anh Y K B yă là vợ chồng.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình cho chị H An B3.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn là mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND Khu vực 6, Đắk Lắk;*
- *UBND xã Hoà Sơn;*
- *Đương sự;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Huế